

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS-ST
Ngày 15-8-2019
“Tranh chấp về Hợp đồng
dân sự hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trên.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 08, 15/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-DS, ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim C, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 93C, ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đ. (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1967; (Có mặt)
 - Bà Trần Kim H, sinh năm 1970. (Có mặt)
- Cùng địa chỉ: Số 108, ấp V, xã V, huyện L, Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà C là nguyên đơn trình bày:

Bà C có tham gia các dây hội do bà H làm chủ và còn nợ lại bà C số tiền cụ thể như sau:

+ Dây 1: khai ngày 10/02/2017al, hội 1.000.000 đồng, 28 phần, bà C tham gia 02 phần, mua 02 phần.

Phần mua thì hai bên đã chấm dứt xong.

Phần chơi thì đã hốt 01 lần vào lần khai thứ 17.

Lần thứ 18 thì bể hụi ngưng khui nên bà C không đóng hụi chết.

Còn 01 lần chưa hốt đã đóng được 7.445.000 đồng.

+ Dây 2: khui ngày 15/9/2017 al, hụi 1.000.000 đồng, 27 phần, bà C chơi 02 phần.

Hụi bể và ngưng khui lần thứ 13.

Bà C đã đóng 13 lần là 14.500.000 đồng.

+ Dây 3: khui ngày 30/6/2017al, 24 phần, hụi 500.000 đồng. Bà C chơi 01 phần, mua 01 phần.

Chưa hốt. Hụi bể lần khui thứ 13.

Bà C đã đóng được 4.280.000 đồng.

+ Dây 4: khui ngày 30/6/2017al, 24 phần, hụi 500.000 đồng. Bà C chơi 01 phần, mua 01 phần.

Chưa hốt. Hụi bể lần khui thứ 13.

Bà C đã đóng được 7.336.000 đồng.

Tổng cộng là 33.561.000 đồng.

Bà H và ông P còn nợ số tiền hụi bà C đã hốt chưa giao đủ là 14.140.000 đồng.

Tổng cộng là 47.701.000 đồng.

Nay bà C yêu cầu bà H và ông P cùng trả 47.701.000 đồng. Bà C không thừa nhận việc khấu trừ tiền hụi chết qua tiền hụi sống như bà H trình bày.

- Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà H trình bày:

Thông nhất bà C đã đóng số tiền hụi sống của các dây hụi nói trên là 33.561.000 đồng và còn nợ bà C số tiền hụi bà C đã hốt chưa giao đủ là 14.140.000 đồng. Tổng cộng là 47.701.000 đồng.

Nay bà H và ông P đồng ý liên đới nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ hụi là 47.701.000 đồng.

Tại phiên tòa bà H trình bày thêm: Theo thỏa thuận thì người bán hụi phải đóng hụi chết, nhưng những người bán hụi cho bà C không đóng hụi chết đầy đủ cho bà H đầy đủ. Bà H có gặp những người này để đòi tiền thì hứa là 01-02 tháng sẽ trả nên bà H chưa kiện ra Tòa; Bà Hg có cùng bà C đến gặp ông S để thu tiền hụi 1.000.000 đồng, bà C lấy tiền. Việc này trước khi bà H viết biên nhận nợ 14.140.000 đồng cho bà C; Các lần đóng hụi sống mà bà C không đóng mà gạt qua tiền hụi chết là 2.400.000 đồng. Nay bà H yêu cầu trừ 3.400.000 đồng nói trên vào số tiền bà H nợ bà C là 47.701.000 đồng.

- Trong biên bản hòa giải của Tòa án, ông P trình bày: Thông nhất với lời trình bày của bà H về số tiền bà H còn nợ bà C. Nhưng việc chơi hụi ông P không tham gia nên để một mình bà H trả, ông P không đồng ý trả.

Tại phiên tòa ông P trình bày: Không biết gì về việc hụi nói trên, cũng không biết có việc mua bán hụi. Nhưng ông P yêu cầu xem lại những người mua bán hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H và ông P là bị đơn đang sinh sống tại huyện Lập Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc bà C tham gia hụi do bà H là chủ và bà H còn nợ bà C số tiền bà C đóng hụi sống cho bà H đối với các dây hụi bị bể hụi là 33.561.000 đồng và số tiền hụi bà C đã hốt chưa giao đủ là 14.140.000 đồng. Tổng cộng là 47.701.000 đồng là có thật, được bà H thừa nhận và xác nhận biên nhận nợ và chữ ký tên trong biên nhận nợ bà C cung cấp là của bà H.

Quá trình hòa giải thì tại phiên hòa giải bà H cũng thống nhất và ký tên vào biên bản hòa giải thành là còn nợ bà C số tiền như trên, nhưng khi ký tên thì chồng bà H là ông P không đồng ý ký tên vì cho rằng đây là nợ riêng của bà H nên để một mình bà H trả.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H nại rằng theo thỏa thuận thì người bán hụi phải đóng hụi chết, nhưng những người bán hụi cho bà C không đóng hụi chết đầy đủ cho bà H đầy đủ. Bà H có gặp những người này để đòi tiền thì hứa là 01-02 tháng sẽ trả nên bà H chưa kiện ra Tòa; Bà H có cùng bà C đến gặp ông S để thu tiền hụi 1.000.000 đồng, bà C lấy tiền. Việc này trước khi bà H viết biên nhận nợ 14.140.000 đồng cho bà C; Các lần đóng hụi sống mà bà C không đóng mà gạt qua tiền hụi chết là 2.400.000 đồng. Nay bà H yêu cầu trừ 3.400.000 đồng nói trên vào số tiền bà H nợ bà C là 47.701.000 đồng.

Xét lời trình bày nói trên của bà H thì: Số tiền 1.000.000 đồng ông S đưa cho bà C thì bà C cũng thừa nhận. Nhưng số tiền này bà C nhận trước khi chốt nợ và viết biên nhận nợ, do đó, 1.000.000 đồng này đã được trừ vào số nợ trước khi viết biên nhận nợ.

Đối với các lần đóng hụi sống mà bà C không đóng mà gạt qua tiền hụi chết là 2.400.000 đồng như bà H nói thì bà C không thừa nhận.

Do đó, xác định bà H còn nợ bà C 47.701.000 đồng là thật.

Tuy nhiên, việc bà H làm chủ hụi nhằm mục đích là sử dụng kinh tế trong gia đình. Bà H và ông P cùng thừa nhận đang là vợ chồng chung sống với nhau. Trong giấy hụi cũng có ghi tên ông P cùng là chủ hụi. Ông P cho rằng không

tham gia là chủ hội nhưng có biết việc bà H làm chủ hội. Do đó, cần buộc ông P cùng có nghĩa vụ liên đới với bà H trả cho bà C số tiền nói trên là phù hợp.

Tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về: Hộ, hội, biểu, phường:

“1. Hộ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là hộ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hộ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.

2. Việc tổ chức hộ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp việc tổ chức hộ có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định của Bộ luật này.

4. Nghiêm cấm việc tổ chức hộ dưới hình thức cho vay nặng lãi.”

Từ phân tích và điều luật viện dẫn trên, xét thấy bà C yêu cầu bà H và ông P cùng liên đới nghĩa vụ trả cho bà C số tiền bà C đóng hội sống cho bà H đối với các dây hội bị bể hội là 33.561.000 đồng và số tiền hội bà C đã hốt chưa giao đủ là 14.140.000 đồng, tổng cộng là 47.701.000 đồng là có căn cứ.

Bà C không yêu cầu lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông P và bà H bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lương Thị Kim C.

Buộc ông Trần Văn P và bà Trần Kim H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lương Thị Kim C số tiền nợ hội là 47.701.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn P và bà Trần Kim H cùng có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.385.000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Bà Lương Thị Kim C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0002857 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Án xử công khai, có mặt các đương sự, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thị Kiều Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lấp Vò, ngày 30 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Tiên
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Linh
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%:

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Kim Niên về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả cho chị Trần Thị Kim Niên số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành mà bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Về án phí:

- Trần Thị Kim Niên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho chị Niên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00461 ngày 13/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

- Buộc Nguyễn Thị Kim Hường phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA